CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14/2019/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2019*

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ:

1. Khoản 3 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"3. Tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, khách du lịch; tàu bay sử dụng cho mục đích: phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, an ninh, quốc phòng.

Trường hợp tàu bay, du thuyền không sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch; tàu bay không sử dụng cho mục đích: phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, an ninh, quốc phòng thì phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và hướng dẫn của Bộ Tài chính."

2. Khoản 3 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"3. Thủ tục, hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt:

a) Thủ tục, hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như quy định về hoàn thuế nhập khẩu tại Điều 34 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Thủ tục, hồ sơ, trình tự và thẩm quyền giải quyết hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện như quy định về hoàn thuế nhập khẩu tại Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Trường hợp tờ khai nhập khẩu có tiền thuế nhập khẩu, tiền thuế tiêu thụ đặc biệt đề nghị hoàn thì hồ sơ hoàn thuế nhập khẩu đồng thời là hồ sơ hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt."

3. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 7. Khấu trừ thuế

1. Người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bằng các nguyên liệu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với nguyên liệu nhập khẩu (bao gồm cả số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp theo Quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan, trừ trường hợp cơ quan hải quan xử phạt về gian lận, trốn thuế) hoặc đã trả đối với nguyên liệu mua trực tiếp từ cơ sở sản xuất trong nước khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp. Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên liệu đã sử dụng để sản xuất hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra.

Riêng đối với xăng sinh học: Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ của kỳ khai thuế được căn cứ vào số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp hoặc đã trả trên một đơn vị nguyên liệu mua vào của kỳ khai thuế trước liền kề của xăng khoáng để sản xuất xăng sinh học.

Đối với các doanh nghiệp được phép sản xuất, pha chế xăng sinh học, việc kê khai nộp thuế, khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt được thực hiện tại cơ quan thuế địa

phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính. Số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học (bao gồm cả số thuế chưa được khấu trừ hết phát sinh kể từ kỳ khai thuế tháng 01 năm 2016) được bù trừ với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của hàng hóa, dịch vụ khác phát sinh trong kỳ. Trường hợp sau khi bù trừ, còn số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo hoặc hoàn trả.

Hồ sơ, trình tự, thẩm quyền giải quyết hoàn trả thuế tiêu thụ đặc biệt như sau:

- Cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học lập giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước kiêm bù trừ với các khoản thuế phải nộp khác (nếu có) - Mẫu 01a/ĐNHT kèm theo Nghị định này.

- Cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học gửi hồ sơ đề nghị hoàn trả số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết đến cơ quan thuế địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính để được giải quyết hoàn trả theo quy định.

- Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc giải quyết hồ sơ hoàn trả số thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định tại khoản này được thực hiện như quy định tại Điều 60 Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Căn cứ Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước của Cơ quan thuế, Kho bạc nhà nước thực hiện chi hoàn trả thuế tiêu thụ đặc biệt của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học. Nguồn hoàn trả thuế tiêu thụ đặc biệt được lấy từ số thu của ngân sách trung ương về thuế tiêu thụ đặc biệt.

2. Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nhập khẩu được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu bao gồm cả số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp theo Quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan, trừ trường hợp cơ quan hải quan xử phạt về gian lận, trốn thuế khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bán ra trong nước. Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ tương ứng với số thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa nhập khẩu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra và chỉ được khấu trừ tối đa bằng tương ứng số thuế tiêu thụ đặc biệt tính được ở khâu bán ra trong nước. Phần chênh lệch không được khấu trừ giữa số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu với số thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra trong nước, người nộp thuế được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Điều kiện khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt được quy định như sau:

a) Đối với trường hợp nhập khẩu nguyên liệu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt để sản xuất hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và trường hợp nhập khẩu hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thì chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt là chứng từ nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khâu nhập khẩu.

b) Đối với trường hợp mua nguyên liệu trực tiếp của nhà sản xuất trong nước:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa, trong hợp đồng phải có nội dung thể hiện hàng hóa do cơ sở bán hàng trực tiếp sản xuất; bản sao Giấy chứng nhận kinh doanh của cơ sở bán hàng (có chữ ký, đóng dấu của cơ sở bán hàng).

- Chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

- Chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt là hóa đơn giá trị gia tăng khi mua hàng. Số thuế tiêu thụ đặc biệt mà đơn vị mua hàng đã trả khi mua nguyên liệu được xác định = giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt nhân (x) thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt; trong đó:

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \frac{\text{Giá mua chưa có thuế GTGT (thể hiện trên hóa đơn GTGT)} - \text{Thuế bảo vệ môi trường (nếu có)}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$$

Việc khấu trừ tiền thuế tiêu thụ đặc biệt được thực hiện khi kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt và số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp được xác định theo công thức sau:

$$\text{Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp} = \text{Số thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được bán ra trong kỳ} - \text{Số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với hàng hóa, nguyên liệu ở khâu nhập khẩu hoặc số thuế tiêu thụ đặc biệt đã trả ở khâu nguyên liệu mua vào tương ứng với số hàng hóa được bán ra trong kỳ}$$

Trường hợp chưa xác định được chính xác số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp (hoặc đã trả) cho số nguyên vật liệu tương ứng với số sản phẩm tiêu thụ trong kỳ thì có thể căn cứ vào số liệu của kỳ trước để tính số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ và sẽ xác định theo số thực tế vào cuối quý, cuối năm. Trong mọi trường hợp, số thuế tiêu thụ đặc biệt được phép khấu trừ tối đa không vượt quá số thuế tiêu thụ đặc biệt tính cho phần nguyên liệu theo tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật của sản phẩm.

4. Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện nộp Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt theo Mẫu số 01/TTĐB và Bảng xác định thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ (nếu có) theo Mẫu số 01-1/TTĐB được ban hành kèm theo Nghị định này."

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành:

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ)

Mẫu số: 01-1/TTĐB	Bảng xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ (nếu có)
Mẫu số: 01a/ĐNHT	Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước
Mẫu số: 01/TTĐB	Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt

Mẫu số: 01-1/TTĐB

BẢNG XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT ĐƯỢC KHẤU TRỪ (NẾU CÓ)

(Kèm theo Tờ khai Thuế tiêu thụ đặc biệt mẫu số 01/TTĐB)

[01] Kỳ tính thuế: tháng..... năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

I. Bảng tính thuế TTĐB của nguyên liệu mua vào, hàng hóa nhập khẩu:

Đơn vị: Đồng Việt Nam

STT	Chứng từ hoặc biên lai nộp thuế TTĐB			Tên nguyên liệu/hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế TTĐB	Số lượng đơn vị nguyên liệu mua vào/hàng hóa nhập khẩu[1]	Thuế TTĐB đã nộp	Thuế TTĐB trên 1 đơn vị nguyên liệu mua vào/hàng hóa nhập khẩu	Số thuế TTĐB đã khấu trừ các kỳ trước	Số thuế TTĐB chưa được khấu trừ đến kỳ này
	Ký hiệu	Số	Ngày, tháng, năm phát hành						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(7)/(6)	(9)	(10)
	Tổng cộng								

[1] Ghi rõ đơn vị tính của nguyên liệu mua vào/hàng hóa nhập khẩu

II. Bảng tính thuế TTĐB của nguyên liệu được khấu trừ (trừ xăng nguyên liệu để sản xuất, pha chế xăng sinh học):

Đơn vị: Đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hóa tiêu thụ	Số lượng tiêu thụ	Tên nguyên liệu chịu thuế TTĐB đầu vào	Lượng nguyên liệu trên 1 đơn vị sản phẩm tiêu thụ[2]	Thuế TTĐB trên 1 đơn vị nguyên liệu đầu vào	Thuế TTĐB đầu vào được khấu trừ tương ứng hàng hóa bán ra	Thuế TTĐB đầu vào của xăng sinh học được bù trừ (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3)x(5)x(6)	(8)
	Tổng cộng						

III. Bảng tính thuế TTĐB của hàng hóa nhập khẩu được khấu trừ:

Đơn vị: Đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hóa tiêu thụ	Số lượng tiêu thụ[3]	Thuế TTĐB đã nộp trên 1 đơn vị hàng hóa nhập khẩu	Thuế TTĐB đầu vào được khấu trừ tương ứng hàng hóa bán ra	Thuế TTĐB đầu vào của xăng sinh học được bù trừ (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)x(4)	(6)
	Tổng cộng				

[2] Ghi rõ đơn vị tính của lượng nguyên liệu trên 1 đơn vị sản phẩm tiêu thụ
[3] Ghi rõ đơn vị tính số lượng hàng hóa tiêu thụ

IV. Bảng tính thuế TTĐB của xăng nguyên liệu mua vào để sản xuất, pha chế xăng sinh học được khấu trừ (nếu có)

Đơn vị: Đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hóa tiêu thụ	Thuế TTĐB còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	Số lượng tiêu thụ trong kỳ	Lượng nguyên liệu trên 1 đơn vị sản phẩm tiêu thụ[4]	Thuế TTĐB trên 1 đơn vị nguyên liệu đầu vào	Thuế TTĐB đầu vào đủ điều kiện khấu trừ	Khấu trừ với thuế TTĐB đầu ra	Thuế TTĐB đầu vào còn được khấu trừ	Khấu trừ thuế TTĐB đầu ra của hàng hóa, dịch vụ khác	Thuế TTĐB đề nghị hoàn trả	Thuế TTĐB đầu vào còn được khấu trừ chuyển kỳ sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)+(3)	(8)	(9)=(7)-(8)	(10)	(11)	(12)=(9)-(10)-(11)
	...										
	Tổng cộng										

(TTĐB: tiêu thụ đặc biệt; GTGT: giá trị gia tăng)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

[4] Ghi rõ đơn vị tính của lượng nguyên liệu trên 1 đơn vị sản phẩm tiêu thụ

Mẫu số: 01a/ĐNHT

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*..., ngày... tháng.... năm....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
HOÀN TRẢ KHOẢN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

[01] Trường hợp hoàn trả thuế trước, kiểm tra sau: ☐
Trường hợp kiểm tra trước, hoàn trả thuế sau: ☐

Kính gửi:..... (tên cơ quan thu, cơ quan có thẩm quyền hoàn trả)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị hoàn trả:

[02] Tên người nộp thuế: .....

[03] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[04] CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:...../...../.....

Nơi cấp:..... Quốc tịch: ....

[05] Địa chỉ:..... .....

[06] Quận/huyện:..... [07] Tỉnh/thành phố:.....

[08] Điện thoại:..... [09] Fax:.....

[10] Email:.....

[11] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[12] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[13] Địa chỉ:.....

[14] Quận/huyện:..... [15] Tỉnh/thành phố:.....

[16] Điện thoại:..... [17] Fax:..... [18] Email:.....

[19] Hợp đồng đại lý thuế..... ngày.....

II. Nội dung đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước (NSNN):

1. Thông tin về khoản thu đề nghị hoàn trả:

Đơn vị: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế nộp thừa (tính đến thời điểm đề nghị hoàn trả)	Số thuế TTĐB của xăng khoáng nguyên liệu đã đề nghị hoàn trả trên tờ khai thuế TTĐB	Số tiền đề nghị hoàn trả	Lý do đề nghị hoàn trả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tổng cộng						

2. Hình thức đề nghị hoàn trả:

a) Bù trừ cho khoản phải nộp NSNN:

Đơn vị: Đồng Việt Nam

STT	Khoản phải nộp NSNN (loại thuế, khoản phạt)	Cơ quan thu			Thời gian phát sinh khoản phải nộp (Kỳ tính thuế)	Quyết định thu/Tờ khai hải quan		Nộp vào tài khoản		Số tiền
		Cơ quan thuế	Cơ quan hải quan	Cơ quan khác		Số	Ngày	Thu NSNN	Tạm thu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Cộng theo loại thuế, cơ quan thu, kỳ tính thuế										
Tổng cộng										

Tổng số tiền nộp NSNN ghi bằng chữ: .....

b) Hoàn trả trực tiếp:

Số tiền hoàn trả: Bằng số: .....

Bằng chữ:.....

Hình thức hoàn trả:

☐ Chuyển khoản: Tài khoản số:..... Tại Ngân hàng (KBNN).....

☐ Tiền mặt: Nơi nhận tiền hoàn trả thuế: Kho bạc Nhà nước.....

III. Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao)

1 .....

2 .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Họ và tên:.....	*Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ*
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*và đóng dấu (nếu có)*

***Ghi chú**:*

- Kỳ thuế: Trường hợp đề nghị hoàn trả thuế cho nhiều tháng, năm thì ghi rõ từ tháng ... năm... đến tháng... năm... có liên quan.
- "Lý do đề nghị hoàn trả": Ghi rõ đề nghị hoàn trả theo quy định tại điểm, khoản, điều của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; riêng đối với trường hợp hoàn trả thuế xuất khẩu, đề nghị chi tiết số tiền thuế, ghi rõ hàng hóa xuất khẩu qua biên giới đất liền.
- "Quyết định thu/Tờ khai hải quan": Ghi Quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền hoặc tờ khai hải quan có nợ thuế chưa nộp NSNN.
- "Nộp vào tài khoản": Đánh dấu "V" vào cột tài khoản có liên quan.
- KBNN: Kho bạc Nhà nước.
- NSNN: Ngân sách nhà nước.
- TTĐB: Tiêu thụ đặc biệt.

Mẫu số: 01/TTĐB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

[01] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày... tháng... năm.... Hoặc Tháng..... năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:..... ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐ .....

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại ..... **[10]** Fax: ..... **[11]** E-mail:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:..... ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐ .....

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại..... **[18]** Fax:..... **[19]** E-mail:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... Ngày:.....

Đơn vị: Đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Sản lượng tiêu thụ	Doanh số bán (chưa có thuế GTGT)	Giá tính thuế TTĐB	Thuế suất (%)	Thuế TTĐB được khấu trừ	Thuế TTĐB còn phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (6)*(7) - (8)
I	**Hàng hóa chịu thuế TTĐB**							
	- Tên hàng hóa							
	-...							
II	**Dịch vụ chịu thuế TTĐB**							
	- Tên dịch vụ							
	-...							
III	**Hàng hóa thuộc trường hợp không phải chịu thuế TTĐB**							
1	Hàng hóa xuất khẩu							
2	Hàng hóa bán để xuất khẩu							
3	Hàng hóa gia công để xuất khẩu							
	Tổng cộng:							

[21] Thuế TTĐB của xăng khoáng nguyên liệu chưa khấu trừ, bù trừ đề nghị hoàn

[22] Thuế TTĐB của xăng khoáng nguyên liệu chưa được khấu trừ, bù trừ chuyển kỳ sau

(TTĐB: tiêu thụ đặc biệt; GTGT: giá trị gia tăng)

Thuế TTĐB được khấu trừ: gồm thuế TTĐB đầu vào được khấu trừ tương ứng hàng hóa bán ra và thuế TTĐB đầu vào của xăng sinh học bù trừ (nếu có)

Tôi cam đoan số liệu khai trên đây là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số: .....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))